

Số : **33** /2007/QĐ- BLĐT BXH

Hà Nội, ngày **24** tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Gia công và thiết kế sản phẩm mộc”

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

- Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;
- Căn cứ Nghị định số 29/2003/NĐ- CP ngày 31 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Căn cứ Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐT BXH ngày 04/1/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;
- Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định về việc ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề “Gia công và thiết kế sản phẩm mộc”;
- Theo đề nghị của Tổng cục Trưởng Tổng cục Dạy nghề,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề: **“Gia công và thiết kế sản phẩm mộc”**.

Trên cơ sở bộ chương trình khung nói trên, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng xác định, tổ chức thẩm định và duyệt chương trình dạy nghề áp dụng cho trường mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức chính trị-Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng cho nghề: “Gia công và thiết kế sản phẩm mộc” và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận :

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, TCDN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Hòa

www.LuatVietnam.vn

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

(Ban hành theo quyết định số: 33 /2007/QĐ- BLĐTBXH
ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và xã hội)

Tên nghề : Gia công và thiết kế sản phẩm mộc

Mã nghề :

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh : - Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

- Tốt nghiệp Trung học cơ sở và tương đương, có bổ sung văn hoá trung học phổ thông theo Quyết định Bộ Giáo dục- Đào tạo ban hành;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 18

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- **Kiến thức :** + Trình bày được cấu tạo, tính chất cơ, vật lý của gỗ

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản về vẽ kỹ thuật, an toàn lao động, quản lý sản xuất

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản về điện kỹ thuật, tính năng tác dụng của thiết bị điện thông thường;

+ Trình bày được công dụng, qui trình sử dụng, bảo dưỡng dụng cụ thủ công, các loại máy dùng để pha phôi, gia công mặt phẳng, mặt cong, gia công mối ghép mộng dùng trong sản xuất đồ mộc.

+Trình bày được các bước trong qui trình gia công sản phẩm mộc

- **Kỹ năng:** + Sử dụng được dụng cụ mộc thủ công trong sản xuất đồ mộc

+ Sử dụng và bảo dưỡng được các loại máy mộc cầm tay

+ Sử dụng và bảo dưỡng được các máy trong dây truyền sản xuất đồ mộc

+ Gia công được các loại sản phẩm mộc thông dụng

+ Tính toán được giá thành của một sản phẩm mộc

1.2 Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Chấp hành chủ trương, đường lối và pháp luật của Nhà nước

+ Trong lao động có lương tâm nghề nghiệp

+ Thái độ nghề nghiệp đúng đắn, yêu nghề

- Thể chất và quốc phòng:+ Học sinh phải đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực cấp I

+ Học sinh phải đạt được tiêu chuẩn quốc phòng

+ Có ý thức rèn luyện, tu dưỡng bản thân

2. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

2.1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo (năm): 1,5 năm
- Thời gian học tập (tuần): 68 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu (giờ): 2.330 h
- Thời gian ôn và kiểm tra hết môn và thi (giờ): 200 h ; Trong đó thi tốt nghiệp: 60 h

2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu: 2.330h

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 h
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2.120 h
- + Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc: 1.620 h
- + Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn: 500 h
- + Thời gian học lý thuyết: 364 h
- + Thời gian học thực hành: 1.756 h

3. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN; ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC

3.1. Danh mục các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc

Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					LT	TH
I	Các môn học chung					
MH01	Môn học Chính trị	I	I	30		
MH02	Môn học Pháp luật	I	I	15		
MH03	Môn học Giáo dục thể chất	I	I	30		
MH04	Môn học Giáo dục quốc phòng	I	I	45		
MH05	Môn học Tin học	I	I	30		
MH06	Môn học Ngoại ngữ (Anh văn)	I	I	60		
	Cộng:			210		
II	Các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc					
II.1	Các môn học cơ sở kỹ thuật					
MH07	An toàn lao động	I	I	30	24	6
MH08	Điện kỹ thuật	I	I	30	20	10
MH09	Quản lý sản xuất	I	I	45	30	15

MH10	Vẽ kỹ thuật	1	I	40	30	10
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề					
MH11	Vật liệu gỗ	1	I	45	30	15
MĐ12	Pha phối	1	II	165	25	140
MĐ13	Bào mặt phẳng	1	II	160	20	140
MĐ14	Gia công mộng	1	II	280	30	250
MĐ15	Gia công mặt cong và ghép ván	2	I	205	25	180
MĐ16	Lắp ráp sản phẩm	2	I	70	10	60
MĐ17	Gia công ghế	2	I	280	30	250
MĐ18	Gia công bàn	2	I	270	30	240
	Cộng:			1620	304	1316

3.2 Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc
(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 1A,2A)

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CTKTĐTCN ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ

4.1. Hướng dẫn xác định thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn
Xác định thời gian cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn theo danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

4.2 Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và đề cương chi tiết chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

4.2.1 Danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian

Mã môn học/mô đun	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ LT	Giờ TH
MĐ.19	Gia công giường	2	I	180	30	150
MĐ.20	Gia công tủ	2	I	320	30	290
Tổng				500	60	440

4.2.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn
(Theo mẫu định dạng tại phụ lục 1A, 2A)

Mã mô đun	Tên mô đun	Nội dung cơ bản

MĐ.19	Gia công giường	<ul style="list-style-type: none"> + Xác định số lượng qui cách các chi tiết của giường + Vạch mực phôi các chi tiết giường + Pha mực phôi các chi tiết giường + Gia công mặt phẳng chi tiết giường + Gia công các mối ghép dùng trong giường . + Lắp ráp giường + Trang sức sản phẩm giường 	150
MĐ.20	Gia công tủ	<ul style="list-style-type: none"> + Xác định số lượng qui cách các chi tiết của tủ + Vạch mực phôi các chi tiết tủ + Pha mực phôi các chi tiết tủ + Gia công mặt phẳng chi tiết tủ + Gia công các mối ghép dùng trong tủ . + Lắp ráp tủ + Trang sức sản phẩm tủ 	290
Tổng			440

4.3 Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc trong chương trình dạy nghề của trường.

Các môn học đã được xây dựng đến tên bài, các mục trong bài từ đó các trường tự xây dựng chương trình chi tiết hơn là nội dung của các bài học để thuận lợi cho giáo viên khi lên lớp.

4.4 Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng dựa vào các mô đun đã được gợi ý

4.5 Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô đun đào tạo nghề và hướng dẫn thi tốt nghiệp

4.5.1 Kiểm tra kết thúc môn học

- Hình thức kiểm tra hết môn: Thi viết, trắc nghiệm, bài tập thực hành
- Thời gian kiểm tra: + Lý thuyết: Không quá 120 phút
- + Thực hành: Không quá 8 giờ

4.5.2 . Thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút

2	Kiến thức, kỹ năng nghề :		
	- Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

4.6. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động ngoại khoá

Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh, sử dụng 5 ngày cho các học viên đi tham quan học tập tại một số cơ sở sản xuất chế biến gỗ.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

4.7. Các chú ý khác:

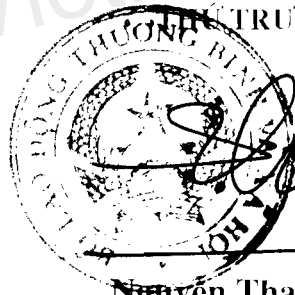
- Đối với khoá học trong kế hoạch đào tạo không tổ chức đào tạo liên thông thì các môn học chung không tách thành hai phần như trong chương trình khung.

- Khi các trường lựa chọn xong các môn học/mô-đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học/mô-đun trong chương đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý.

NAN

KT. BỘ TRƯỞNG

TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Hòa

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

(Ban hành theo quyết định số: 33/2007/QĐ- BLĐTBXH

ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và xã hội)

Tên nghề : Gia công và Thiết kế sản phẩm Mộc

Mã nghề :

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 24

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO :

1.1 Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức

- + Nêu được cấu tạo, tính chất cơ, vật lý của gỗ và phương pháp bảo quản gỗ.
- + Trình bày được một số kiến thức cơ bản về vẽ kỹ thuật, an toàn lao động, quản lý sản xuất;
- + Trình bày được một số kiến thức cơ bản về điện kỹ thuật, tính năng tác dụng của thiết bị điện thông thường;
- + Trình bày được công dụng, qui trình sử dụng, bảo dưỡng dụng cụ thủ công, các loại máy dùng để pha phối, gia công mặt phẳng, mặt cong, gia công mối ghép mộng dùng trong sản xuất đồ mộc.
- + Trình bày được các bước trong qui trình gia công sản phẩm mộc
- + Nêu được nguyên tắc thiết kế sản phẩm Mộc

- Kỹ năng :

- + Sử dụng được dụng cụ mộc thủ công trong sản xuất đồ mộc.
- + Sử dụng và bảo dưỡng được các loại máy mộc cầm tay.
- + Sử dụng và bảo dưỡng được các máy trong dây truyền sản xuất đồ mộc.
- + Gia công được các loại sản phẩm mộc thông dụng.
- + Thiết kế và gia công hoàn chỉnh sản phẩm mộc.
- + Thiết kế được các bộ dưỡng, gá phục vụ cho việc gia công các sản phẩm mộc.
- + Thiết kế nội thất được một phòng ở, làm việc...
- + Tính toán được giá thành của một sản phẩm mộc.

1.2 Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức
 - + Chấp hành chủ trương, đường lối và pháp luật của Nhà nước
 - + Trong lao động có lương tâm nghề nghiệp
 - + Thái độ nghề nghiệp đúng đắn, yêu nghề
- Thể chất và quốc phòng
 - + Học sinh phải đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực cấp I
 - + Học sinh phải đạt được tiêu chuẩn quốc phòng
 - + Có ý thức rèn luyện, tu dưỡng bản thân

2. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

2.1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo (năm): 2,5 năm
- Thời gian học tập (tuần): 108
- Thời gian thực học tối thiểu : 3.635 h
- Thời gian ôn và kiểm tra hết môn và thi: 320 h; trong đó thi tốt nghiệp: 80h

2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu: 3.635 h

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 h
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3.185h
- + Thời gian học bắt buộc: 2475 h
- + Thời gian học tự chọn: 710 h
- + Thời gian học lý thuyết 694 h
- + Thời gian thực hành: 2530 h

3. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN; ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH MÔ HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC

3.1. Danh mục môn học, mô đun đào tạo bắt buộc

Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					Giờ L.T	Giờ T.H
I	Các môn học chung theo quy định					
MH01	Môn học Chính trị	I	I+II	90		
MH02	Môn học Pháp luật	I	I	30		
MH03	Môn học Giáo dục thể chất	I	I	60		
MH04	Môn học Giáo dục quốc phòng	I	I	75		
MH05	Môn học Tin học	I	I	75		

MH06	Môn học Ngoại ngữ (Anh văn)	I	I+II	120		
	Cộng:			450		
II	Các môn học, mô đun nghề bắt buộc					
II.1	Các môn học cơ sở kỹ thuật					
MH07	An toàn lao động	1	I	30	24	6
MH08	Điện kỹ thuật	1	I	30	20	10
MH09	Quản lý sản xuất	1	I	45	30	15
MH10	Vẽ kỹ thuật	1	I +II	90	70	20
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn					
MH11	Vật liệu gỗ	1	I	60	40	20
MĐ12	Pha phối	1	II	165	25	140
MĐ13	Bào mặt phẳng	1	II	160	20	140
MĐ14	Gia công mộng	1	II	280	30	250
MĐ15	Gia công mặt cong và ghép ván	2	I	205	25	180
MĐ16	Lắp ráp sản phẩm	2	I	70	10	60
MĐ17	Gia công ghế	2	I	280	30	250
MĐ18	Gia công bàn	2	I	270	30	240
MĐ19	Thiết kế sản phẩm mộc	3	I	380	100	280
MĐ20	Thiết kế dưỡng, gá	2	II	150	30	120
MĐ21	Thiết kế nội thất	3	I	260	75	185
	Cộng:			2475	559	1916

3.2 Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc
(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 1B,2B)

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CTKTĐCĐ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ

4.1. Cách xác định thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Xác định thời gian cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn theo danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

4.2 Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Danh mục, phân bổ thời gian và nội dung cơ bản của các môn học/ mô đun đào tạo nghề tự chọn giai đoạn 1

4.2.1 Danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian

Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					L.T	T.H
MD22	Gia công giường	2	I	180	30	150
MD23	Gia công tủ	2	I	320	30	290
MD24	Sấy gỗ	3	I	210	30	180
Tổng				710	90	620

4.2.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

(Theo mẫu định dạng tại phụ lục 1B, 2B)

Mã mô đun	Tên mô đun	Nội dung cơ bản	
MD22	Gia công giường	<ul style="list-style-type: none"> + Xác định số lượng qui cách các chi tiết của giường + Vạch mực phôi các chi tiết giường + Pha mực phôi các chi tiết giường + Gia công mặt phẳng chi tiết giường + Gia công các mối ghép dùng trong giường . + Lắp ráp giường + Trang sức sản phẩm giường 	180
MD23	Gia công tủ	<ul style="list-style-type: none"> + Xác định số lượng qui cách các chi tiết của tủ + Vạch mực phôi các chi tiết tủ + Pha mực phôi các chi tiết tủ + Gia công mặt phẳng chi tiết tủ + Gia công các mối ghép dùng trong tủ . + Lắp ráp tủ + Trang sức sản phẩm tủ 	320
MD24	Sấy gỗ	<ul style="list-style-type: none"> - Qui trình sấy gỗ - Chế độ sấy gỗ 	210

4.3 Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, môđun đào tạo nghề bắt buộc trong chương trình dạy nghề của trường.

Các môn học đã được xây dựng đến tên bài, các mục trong bài từ đó các trường tự xây dựng chương trình chi tiết hơn là nội dung của các bài học để thuận lợi cho giáo viên khi lên lớp.

4.4 Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, môđun đào tạo nghề tự chọn.

Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng dựa vào các môđun đã được gọi ý

4.5 Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, môđun đào tạo nghề và hướng dẫn thi tốt nghiệp

4.5.1 Kiểm tra kết thúc môn học

- Hình thức kiểm tra hết môn: thi viết, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra: + Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 8 giờ

4.5.2 . Thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề :		
	- Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	- Môđun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

4.6. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khoá

Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh Sử dụng 5 ngày cho các học viên đi tham quan học tập tại một số cơ sở sản xuất chế biến gỗ.


- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

4.7 Các chú ý khác

- Đối với khoá học trong kế hoạch đào tạo không tổ chức đào tạo liên thông thì các môn học chung không tách thành hai phần như trong chương trình khung.

- Khi các trường lựa chọn xong các môn học/mô-đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học/mô-đun trong chương đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Hoà

www.LuatVietnam.vn